PHRI - ĐRÍCH ĂNG - GHEN[1]

Viết xong vào mùa thu 1895

In lần đầu vào năm 1896 trong văn tập "Người lao động" số 1 - 2

Theo đúng bản in trong văn tập "Người lao động"

ПРОЛЕТАРІИ ВСѢХЪ СТРАНЪ, СОЕДИНЯЙТЕСЬ!

РАБОТНИКЪ

№№ 1 и 2.

НЕПЕРІОДИЧЕСКІЙ СБОРНИКЪ

Съ портретомъ Фридриха Энгельса.

Изданіе „Союза Русскихъ Соціальдемократовъ"

ЖЕНЕВА
Типографія „Союза Русскихъ Соціальдемократовъ"
1896

Bìa trong của văn tập "Người lao động", trong đó đã in lần đầu bài báo điếu tang "Phri-đrích Ăng-ghen" của V. I. Lê-nin. — 1896

Bó đuốc sáng ngời biết bao của trí tuệ đã tắt,
Trái tim vĩ đại biết bao đã ngừng đập![2]

Ngày 5 tháng Tám lịch mới (24 tháng Bảy) 1895, Phri-đrích Ăng-ghen từ trần ở Luân-đôn. Sau bạn ông là Các Mác (mất năm 1883), Ăng-ghen là nhà bác học và người thầy lỗi lạc nhất của giai cấp vô sản hiện đại trong toàn thế giới văn minh. Từ ngày mà vận mệnh đã gắn liền Các Mác với Phri-đrích Ăng-ghen thì sự nghiệp suốt đời của hai người bạn ấy trở thành sự nghiệp chung của họ. Cho nên muốn hiểu Phri-đrích Ăng-ghen đã làm gì cho giai cấp vô sản thì phải nhận rõ ý nghĩa của học thuyết và hoạt động của Mác đối với sự phát triển của phong trào công nhân hiện đại. Mác và Ăng-ghen là những người đầu tiên đã chỉ ra rằng giai cấp công nhân, với những yêu sách của họ, là sản phẩm tất yếu của chế độ kinh tế hiện đại là cái chế độ, cùng với việc tạo ra và tổ chức giai cấp tư sản, đang không tránh khỏi tạo ra và tổ chức giai cấp vô sản; hai ông đã chỉ ra rằng không phải những mưu toan thiện ý của những cá nhân hào hiệp, mà chính là cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản có tổ chức, sẽ giải phóng loài người khỏi những tai họa hiện đang đè lên họ. Mác và Ăng-ghen là những người đầu tiên đã giải thích trong các tác phẩm khoa học của mình rằng chủ nghĩa xã hội không phải là một điều bịa đặt của những kẻ mộng tưởng, mà là mục đích cuối cùng và là kết quả tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất trong xã hội hiện đại. Toàn bộ lịch sử thành văn từ trước đến nay là lịch sử

đấu tranh giai cấp, là sự thay thế nhau của những nền thống trị và những cuộc chiến thắng của những giai cấp xã hội này đối với những giai cấp xã hội khác. Và tình trạng ấy sẽ còn kéo dài mãi, chừng nào mà những cơ sở của đấu tranh giai cấp và của sự thống trị giai cấp — tức là chế độ tư hữu và sự sản xuất xã hội vô tổ chức — vẫn chưa mất đi. Lợi ích của giai cấp vô sản đòi hỏi phải tiêu diệt những cơ sở ấy, và do đó cuộc đấu tranh giai cấp tự giác của những công nhân có tổ chức phải nhằm chống lại những cơ sở ấy. Mà bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng là một cuộc đấu tranh chính trị.

Ngày nay, toàn thể giai cấp vô sản đang đấu tranh để tự giải phóng đều tiếp thu những quan điểm ấy của Mác và Ăng-ghen, nhưng vào khoảng những năm 40, khi hai người bạn ấy tham gia viết sách báo xã hội chủ nghĩa và các phong trào xã hội hồi bấy giờ thì những quan điểm ấy là hoàn toàn mới. Lúc đó, có nhiều người, có tài và vô tài, lương thiện và bất lương, say sưa đấu tranh cho tự do chính trị, đấu tranh chống lại chế độ chuyên chế của bọn vua chúa, cảnh sát và thầy tu, đã không nhìn thấy sự đối lập giữa lợi ích của giai cấp tư sản với lợi ích của giai cấp vô sản. Những người ấy không thừa nhận ngay cả đến ý nghĩ cho rằng công nhân có thể hoạt động với tư cách là một lực lượng xã hội độc lập. Mặt khác, có nhiều người mộng tưởng, đôi khi lại là những thiên tài, nghĩ rằng chỉ cần thuyết phục cho những nhà cầm quyền và các giai cấp thống trị thấy được tính chất bất công của chế độ xã hội hiện hành là cũng đủ để dễ dàng kiến tạo trên trái đất một nền hòa bình và một nền thịnh vượng chung. Họ mơ tưởng có chủ nghĩa xã hội mà không cần đấu tranh. Cuối cùng, hầu hết những người xã hội chủ nghĩa lúc đó và nói chung, những người bạn của giai cấp công nhân chỉ thấy rằng giai cấp vô sản là một *ung nhọt,* họ khiếp sợ thấy ung nhọt ấy lớn lên cùng với sự phát triển của công nghiệp. Cho nên tất cả bọn

họ đều tìm cách chặn sự phát triển của công nghiệp và của giai cấp vô sản lại, chặn "bánh xe lịch sử" lại. Ngược lại với tâm lý sợ hãi chung trước sự phát triển của giai cấp vô sản, Mác và Ăng-ghen đặt tất cả hy vọng của mình vào sự lớn lên không ngừng của giai cấp vô sản. Càng có nhiều người vô sản bao nhiêu thì lực lượng của họ, với tư cách là giai cấp cách mạng, càng lớn lên bấy nhiêu, thì chủ nghĩa xã hội càng tới gần và càng có khả năng được thực hiện bấy nhiêu. Có thể vắn tắt nêu công lao của Mác và Ăng-ghen đối với giai cấp công nhân như sau: hai ông đã dạy cho công nhân tự nhận thức được mình và có ý thức về mình, và đã đem khoa học thay thế cho mộng tưởng.

Chính vì vậy, mỗi công nhân phải biết tên tuổi và cuộc đời của Ăng-ghen, chính vì vậy trong văn tập của chúng tôi mà mục đích, cũng như tất cả những xuất bản phẩm khác của chúng tôi, là thức tỉnh ý thức giai cấp của công nhân Nga, chúng tôi phải thuật lại cuộc đời và hoạt động của Phri-đrích Ăng-ghen, một trong hai người thầy vĩ đại của giai cấp vô sản hiện đại.

Ăng-ghen sinh năm 1820 ở thành phố Bác-mên, thuộc tỉnh Rê-na-ni của vương quốc Phổ. Cha ông là một chủ xưởng. Năm 1838, vì hoàn cảnh gia đình, Ăng-ghen chưa học hết trung học đã phải vào làm thư ký trong một hãng buôn ở Brê-mơ. Công việc buôn bán không cản trở được Ăng-ghen trau dồi kiến thức khoa học và chính trị. Ngay từ khi còn học trung học, ông đã căm ghét chế độ chuyên chế và sự độc đoán của bọn quan lại. Việc nghiên cứu triết học dẫn ông tiến xa hơn. Hồi ấy học thuyết của Hê-ghen đang chi phối triết học Đức, và Ăng-ghen trở thành môn đồ của học thuyết đó. Tuy bản thân Hê-ghen là người hâm mộ nhà nước chuyên chế Phổ mà ông đã phục vụ với tư cách là giáo sư Trường đại học tổng hợp Béc-lanh, nhưng *học thuyết* của Hê-ghen có tính chất cách mạng. Lòng tin của Hê-ghen vào lý tính của con người và vào quyền lợi của con người, và nguyên lý

cơ bản của triết học Hê-ghen cho rằng trong thế giới luôn diễn ra một quá trình liên tiếp biến hóa và phát triển, đã dẫn những học trò của nhà triết học ở Béc-lanh, không muốn điều hòa với hiện trạng, đến ý nghĩ cho rằng ngay cả cuộc đấu tranh chống hiện trạng, cuộc đấu tranh chống bất công đang tồn tại và chống điều ác đang hoành hành, cũng bắt rễ từ quy luật phổ biến là sự phát triển không ngừng. Nếu mọi cái đều phát triển, nếu những thể chế này bị những thể chế khác thay thế, vậy thì tại sao chế độ chuyên chế của vua Phổ hay của Nga hoàng, việc một thiểu số rất nhỏ làm giàu trên lưng tuyệt đại đa số, sự thống trị của giai cấp tư sản đối với nhân dân lại cứ tồn tại mãi được? Triết học Hê-ghen bàn về sự phát triển của tinh thần và của tư tưởng; nó là *duy tâm*. Nó căn cứ từ sự phát triển của tinh thần mà suy diễn ra sự phát triển của tự nhiên, của con người và của những quan hệ xã hội giữa người với người. Mác và Ăng-ghen giữ lại tư tưởng của Hê-ghen về quá trình phát triển không ngừng* và vứt bỏ quan điểm duy tâm chủ nghĩa cố chấp; nhìn vào cuộc sống, hai ông thấy rằng không thể lấy sự phát triển của tinh thần để giải thích sự phát triển của tự nhiên được mà trái lại, phải lấy tự nhiên, lấy vật chất để giải thích tinh thần... Trái với Hê-ghen và những người khác thuộc phái Hê-ghen, Mác và Ăng-ghen là những nhà duy vật chủ nghĩa. Xem xét thế giới và loài người một cách duy vật, hai ông nhận thấy rằng cũng như mọi hiện tượng trong giới tự nhiên đều có nguyên nhân vật chất, sự phát triển của xã hội loài người là do sự phát triển của những lực lượng vật chất, sản xuất quyết định. Quan hệ giữa người với nhau trong việc sản xuất những vật phẩm cần thiết để

* Mác và Ăng-ghen đã nhiều lần chỉ rằng sự phát triển trí tuệ của các ông một phần lớn là nhờ các nhà triết học lớn ở Đức, nhất là nhờ Hê-ghen. Ăng-ghen nói: "Không có triết học Đức thì đã chẳng có chủ nghĩa xã hội khoa học"[3].

thỏa mãn nhu cầu của con người là do sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định. Và chính những quan hệ ấy giải thích tất cả những hiện tượng của đời sống xã hội, những nguyện vọng, tư tưởng và luật pháp của con người. Sự phát triển của lực lượng sản xuất đã tạo ra những quan hệ xã hội dựa trên chế độ tư hữu, nhưng ngày nay, chúng ta thấy cũng sự phát triển ấy của lực lượng sản xuất lại tước mất sở hữu của đa số và tập trung sở hữu đó vào tay một thiểu số rất nhỏ. Nó xóa bỏ cái chế độ sở hữu làm cơ sở cho trật tự xã hội hiện đại, nó tự hướng tới chính cái mục đích mà những người xã hội chủ nghĩa đã tự đề ra cho mình. Những người xã hội chủ nghĩa chỉ còn cần nhận rõ được lực lượng xã hội nào do địa vị của nó trong xã hội hiện nay mà quan tâm đến việc thực hiện chủ nghĩa xã hội, và làm cho lực lượng ấy giác ngộ về lợi ích và sứ mệnh lịch sử của nó. Lực lượng đó là giai cấp vô sản. Ăng-ghen đã tìm hiểu giai cấp vô sản khi ông ở Anh, ở trung tâm công nghiệp của Anh là Man-se-xtơ, nơi mà năm 1842, ông đến làm công cho một hãng buôn trong đó cha ông có cổ phần. Ở đây, Ăng-ghen không phải chỉ làm việc ở phòng giấy của xưởng, ông còn đi thăm các khu phố bần thỉu là nơi công nhân sống chen chúc, thấy tận mắt những sự cùng khốn và những nỗi đau khổ của họ. Nhưng ông không thỏa mãn với những nhận xét cá nhân của mình, ông còn đọc tất cả những điều mà người ta đã viết trước ông về tình cảnh của giai cấp công nhân Anh; ông nghiên cứu tỉ mỉ tất cả những tài liệu chính thức mà ông có thể tra cứu được. Quyển "Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh"[4] xuất bản năm 1845 là kết quả của những sự nghiên cứu và những nhận xét ấy. Trên kia, chúng ta đã nói đến công lao chủ yếu của Ăng-ghen, với tư cách là tác giả quyển "Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh". Trước Ăng-ghen, đã có rất nhiều người mô tả những nỗi đau khổ của giai cấp vô sản và chỉ ra rằng cần phải giúp đỡ giai cấp ấy. Ăng-ghen là *người đầu tiên*

đã nói rằng giai cấp vô sản *không phải chỉ* là giai cấp đau khổ, rằng chính địa vị kinh tế nhục nhã của giai cấp vô sản thúc đẩy, một cách không gì ngăn cản nổi, nó tiến lên và buộc nó phải đấu tranh cho sự giải phóng cuối cùng của nó. Và giai cấp vô sản đấu tranh *sẽ tự mình giúp bản thân mình.* Phong trào chính trị của giai cấp công nhân nhất định sẽ dẫn công nhân đến chỗ hiểu rằng đối với họ, không có lối thoát nào khác hơn là chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, chủ nghĩa xã hội chỉ sẽ là một sức mạnh, khi nó đã trở thành mục tiêu đấu tranh *chính trị* của *giai cấp* công nhân. Đó là những tư tưởng chủ chốt trong cuốn sách của Ăng-ghen viết về tình cảnh của giai cấp công nhân ở Anh, những tư tưởng mà hiện nay, toàn thể giai cấp vô sản có suy nghĩ và đang đấu tranh, đã tiếp thu, nhưng lúc đó thì còn hoàn toàn mới. Những tư tưởng ấy đã được trình bày trong cuốn sách bằng một giọng văn hấp dẫn, mô tả rất nhiều cảnh cùng khốn xác thực nhất và ghê sợ nhất của giai cấp vô sản Anh. Cuốn sách ấy là một lời buộc tội ghê gớm chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản. Cuốn sách ấy gây một ấn tượng rất lớn. Đâu đâu người ta cũng dẫn chứng cuốn sách của Ăng-ghen, coi nó là một bức tranh miêu tả đúng nhất tình cảnh của giai cấp vô sản hiện đại. Thật thế, trước hay sau năm 1845 cũng vậy, chưa hề thấy có một cuốn sách nào miêu tả được những cảnh cùng khốn của giai cấp công nhân một cách xuất sắc và chân thực đến như thế.

Chỉ ở Anh, Ăng-ghen mới trở thành người xã hội chủ nghĩa. Ở Man-se-xtơ, ông liên hệ với những người hoạt động trong phong trào công nhân Anh lúc bấy giờ và bắt đầu viết trong các xuất bản phẩm xã hội chủ nghĩa Anh. Năm 1844, trên đường trở về Đức, khi đi qua Pa-ri, ông gặp Mác mà trước đó ông đã có liên lạc bằng thư từ. Ở Pa-ri, chịu ảnh hưởng của những nhà xã hội chủ nghĩa Pháp và của đời sống Pháp, Mác cũng đã trở thành một người xã hội chủ nghĩa. Ở đó, hai người bạn ấy đã viết chung cuốn "Gia đình thần

thánh, hay là phê phán sự phê phán có tính chất phê phán"[5]. Cuốn sách đó — xuất bản một năm trước cuốn "Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh" và là do Mác viết một phần lớn — đã đặt cơ sở cho chủ nghĩa xã hội duy vật cách mạng mà trên kia chúng tôi đã trình bày những tư tưởng chủ yếu. "Gia đình thần thánh" là một cái tên gọi chế giễu những nhà triết học, anh em Bau-ơ cùng những môn đồ của họ. Các ngài ấy tuyên truyền một sự phê phán đứng trên mọi hiện thực, trên các đảng phái và chính trị, một sự phê phán phủ nhận mọi hoạt động thực tế và chỉ đứng nhìn, "với tinh thần phê phán", thế giới chung quanh và những biến diễn trong thế giới đó. Các ngài Bau-ơ khinh thường giai cấp vô sản, coi họ là một đám quần chúng không có óc phê phán. Mác và Ăng-ghen kiên quyết chống lại xu hướng vô lý và có hại ấy. Vì con người thực sự, — con người công nhân bị những giai cấp thống trị và nhà nước áp bức, — hai ông đòi hỏi phải đấu tranh cho một kết cấu xã hội tốt đẹp hơn, chứ không phải là đứng nhìn. Dĩ nhiên, hai ông coi giai cấp công nhân là lực lượng vừa có khả năng tiến hành cuộc đấu tranh ấy lại vừa quan tâm đến cuộc đấu tranh ấy. Trước khi xuất bản cuốn "Gia đình thần thánh", Ăng-ghen đã đăng trong tờ "Niên giám Pháp - Đức"[6] của Mác và Ru-ghê một bài "Tiểu luận phê phán chính trị kinh tế học"[7], trong bài đó ông đã đứng trên quan điểm xã hội chủ nghĩa mà xem xét những hiện tượng căn bản của chế độ kinh tế hiện đại, coi đó là những hậu quả tất nhiên của sự thống trị của chế độ tư hữu. Rõ ràng là mối quan hệ với Ăng-ghen đã thúc đẩy Mác bắt tay vào nghiên cứu chính trị kinh tế học, là khoa học trong đó những tác phẩm của Mác đã gây ra cả một cuộc cách mạng.

Từ năm 1845 đến năm 1847, Ăng-ghen sống ở Bruy-xen và Pa-ri, vừa nghiên cứu khoa học vừa hoạt động thực tế trong giới công nhân Đức ở hai thành phố đó. Ở đấy, Mác và Ăng-ghen đã liên hệ với tổ chức bí mật Đức là

"Đồng minh của những người cộng sản"[8], tổ chức này giao cho hai ông trình bày những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà hai ông đã xây dựng lên. Do đó mà có quyển "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" nổi tiếng của Mác và Ăng-ghen xuất bản năm 1848. Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh.

Cách mạng 1848 nổ ra trước tiên ở Pháp, sau lan sang các nước khác ở Tây Âu, khiến Mác và Ăng-ghen trở về nước. Ở trong nước, tại vùng Rê-na-ni nước Phổ, hai ông đứng đầu tờ "Báo Rê-na-ni mới"[9], một tờ báo dân chủ xuất bản ở Cô-lô-nhơ. Hai người bạn đó là linh hồn của mọi xu hướng dân chủ cách mạng ở vùng Rê-na-ni nước Phổ. Hai ông tận lực bảo vệ lợi ích của nhân dân và của tự do, chống lại những lực lượng phản động. Như mọi người đều biết, những lực lượng phản động đã thắng. Tờ "Báo Rê-na-ni mới" bị cấm; Mác, vì đã mất quốc tịch Phổ trong thời gian di cư ra nước ngoài, nên bị trục xuất; còn Ăng-ghen thì tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang của nhân dân, đã dự ba trận chiến đấu cho tự do và sau khi những người khởi nghĩa thất bại, ông lánh qua Thụy-sĩ sang Luân-đôn.

Mác cũng đã sang trú ngụ ở Luân-đôn. Không bao lâu, Ăng-ghen lại trở thành thư ký, rồi cổ đông trong chính ngay hãng buôn Man-se-xtơ mà trước kia, trong những năm 40, ông đã làm ở đó. Cho đến năm 1870, ông sống ở Man-se-xtơ, còn Mác thì sống ở Luân-đôn, nhưng điều đó vẫn không cản trở hai ông liên hệ hết sức mật thiết với nhau về tư tưởng: hầu như ngày nào, hai ông cũng đều biên thư cho nhau. Trong thư từ qua lại như thế, hai người bạn đã trao đổi ý kiến và những điều hiểu biết cho nhau, và tiếp tục cùng nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội khoa học. Năm 1870 Ăng-ghen đến ở Luân-đôn, và hai ông tiếp tục sống chung một cuộc sống tinh thần đầy lao động khẩn trương mãi cho đến năm 1883,

tức là cho đến khi Mác mất. Kết quả của lao động đó thì về phần Mác, là bộ "Tư bản", một tác phẩm chính trị kinh tế học vĩ đại nhất của thế kỷ chúng ta; về phần Ăng-ghen, là cả một loạt những tác phẩm lớn nhỏ. Mác chuyên chú phân tích những hiện tượng phức tạp của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Ăng-ghen, trong những tác phẩm viết một cách hết sức dễ hiểu và thường là có tính chất luận chiến, đã làm sáng tỏ những vấn đề khoa học chung nhất và những hiện tượng khác nhau của quá khứ và hiện tại — theo tinh thần quan niệm duy vật lịch sử và lý luận kinh tế của Mác. Trong số các tác phẩm ấy của Ăng-ghen, chúng tôi xin nêu ra: tác phẩm luận chiến chống Đuy-rinh (trong đó ông phân tích những vấn đề quan trọng nhất của triết học, của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội)*, "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước"[12] (bản dịch ra tiếng Nga, xuất bản ở Xanh Pê-téc-bua, in lần thứ 3, 1895), "Lút-vích Phơ-bách"[13] (bản dịch ra tiếng Nga có chú thích của G. Plê-kha-nốp, Giơ-ne-vơ, 1892), một bài nói về chính sách đối ngoại của chính phủ Nga (bản dịch ra tiếng Nga đã đăng trên tờ "Người dân chủ - xã hội"[14] số 1 và số 2, xuất bản ở Giơ-ne-vơ), những bài đặc sắc về vấn đề nhà ở[15], sau cùng là hai bài ngắn nhưng rất quý nói về sự phát triển kinh tế của nước Nga ("Phri-đrích Ăng-ghen nói về nước Nga", bản dịch ra tiếng Nga của V. I. Da-xu-lích, Giơ-ne-vơ, 1894)[16]. Mác mất đi chưa kịp hoàn chỉnh tác phẩm vĩ đại của ông về tư bản. Tuy nhiên bản thảo cũng đã hoàn thành và thế là Ăng-ghen, sau khi bạn mình từ trần, đã đảm đương nhiệm vụ nặng nề là chỉnh lý và cho xuất bản quyển II và quyển III của bộ "Tư bản". Ông xuất bản quyển II, năm 1885 và quyển

* Đó là một cuốn sách có nội dung đặc biệt phong phú và bổ ích[10]. Tiếc rằng mới chỉ có một phần nhỏ được dịch ra tiếng Nga, phần sơ lược lịch sử phát triển của chủ nghĩa xã hội ("Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học"[11], xuất bản lần thứ 2, Giơ-ne-vơ, 1892).

III, năm 1894 (ông không kịp chỉnh lý quyển IV[17]). Hai quyển này đòi hỏi ông phải bỏ ra rất nhiều công sức. Át-lơ, một đảng viên dân chủ - xã hội Áo đã nhận xét rất đúng rằng khi xuất bản quyển II và III của bộ "Tư bản", Ăng-ghen đã dựng cho người bạn thiên tài của ông một đài kỷ niệm trang nghiêm trên đó Ăng-ghen cũng không ngờ là đã khắc luôn cả tên mình bằng những chữ không bao giờ phai mờ được. Thật vậy, hai quyển đó của bộ "Tư bản" là tác phẩm chung của cả hai người: Mác và Ăng-ghen. Những chuyện cổ tích thường kể lại những tấm gương cảm động về tình bạn. Giai cấp vô sản châu Âu có thể nói rằng khoa học của mình là tác phẩm sáng tạo của hai nhà bác học kiêm chiến sĩ mà tình bạn đã vượt xa tất cả những gì là cảm động nhất trong những truyền thuyết của đời xưa kể về tình bạn của con người. Ăng-ghen vẫn luôn luôn — mà nói chung như thế là hoàn toàn đúng — tự đặt mình sau Mác. Ông đã viết cho một người bạn lâu năm của ông như sau: "Tôi luôn luôn là một cây vĩ cầm thứ hai, bên cạnh Mác"[18]. Mối tình thân yêu của ông đối với Mác lúc còn sống và lòng kính mến của ông đối với Mác lúc đã mất, thật là vô hạn. Người chiến sĩ khắc khổ và nhà tư tưởng nghiêm nghị ấy có một tấm lòng yêu thương thật là sâu sắc.

Sau phong trào 1848 - 1849, Mác và Ăng-ghen, khi sống ở nước ngoài, không phải chỉ nghiên cứu khoa học không thôi. Năm 1864, Mác đã sáng lập ra "Hội liên hiệp lao động quốc tế"[19] và lãnh đạo hội đó suốt trong 10 năm. Ăng-ghen cũng đã tham gia tích cực vào công tác của hội đó. Hoạt động của "Hội liên hiệp quốc tế", — hội, theo Mác, đã đoàn kết được vô sản ở tất cả các nước — có một tác dụng to lớn đối với sự phát triển của phong trào công nhân. Ngay cả sau khi "Hội liên hiệp quốc tế" giải tán vào những năm 70, tác dụng đoàn kết của Mác và Ăng-ghen cũng vẫn không chấm dứt. Ngược lại, người ta có thể nói vai trò của hai ông, với tư cách là những người lãnh đạo tinh thần của

phong trào công nhân, không ngừng lớn lên mãi, vì chính phong trào công nhân cũng phát triển không ngừng. Sau khi Mác mất, Ăng-ghen vẫn một mình tiếp tục làm người cố vấn và chỉ đạo cho những người xã hội chủ nghĩa ở châu Âu. Đến xin ông cho ý kiến và chỉ dẫn thì có cả những người xã hội chủ nghĩa Đức, là những người mà lực lượng của họ, tuy bị chính phủ truy bức nhưng vẫn không ngừng lớn lên nhanh chóng, và cả những đại biểu của các nước lạc hậu, chẳng hạn người Tây-ban-nha, người Ru-ma-ni, người Nga, là những người đang phải suy nghĩ và đắn đo trong bước đi đầu tiên của họ. Tất cả họ đều nhờ đến kho tàng tri thức và kinh nghiệm phong phú của cụ Ăng-ghen.

Mác và Ăng-ghen, — cả hai người đều biết tiếng Nga và đọc sách Nga, — đều quan tâm nhiều đến nước Nga, theo dõi phong trào cách mạng Nga một cách có cảm tình và liên hệ với những người cách mạng Nga. Hai ông đều từ những *người dân chủ* trở thành người xã hội chủ nghĩa, và tình cảm dân chủ *căm ghét* của hai ông đối với chế độ chuyên quyền chính trị thật là hết sức mãnh liệt. Tình cảm chính trị trực tiếp đó, cộng thêm sự hiểu biết lý luận sâu sắc về quan hệ giữa chế độ chuyên quyền chính trị và sự áp bức kinh tế, cũng như kinh nghiệm sống dồi dào, đã khiến cho Mác và Ăng-ghen hết sức nhạy cảm chính là về mặt *chính trị.* Cho nên cuộc đấu tranh anh hùng của một nhóm rất nhỏ những người cách mạng Nga chống lại chính phủ Nga hoàng hùng mạnh được hai nhà cách mạng lão luyện đó hưởng ứng với thái độ đồng tình nhất. Trái lại, mọi manh tâm tin vào những lợi ích kinh tế hư ảo để rời bỏ nhiệm vụ trực tiếp nhất và quan trọng nhất của những người xã hội chủ nghĩa Nga, tức là việc giành lấy tự do chính trị, thì dĩ nhiên là bị hai ông coi là đáng nghi; thậm chí hai ông còn coi đó chính là một thái độ phản bội sự nghiệp vĩ đại của cách mạng xã hội. "Việc giải phóng giai cấp vô sản phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp vô sản", —

Mác và Ăng-ghen luôn luôn dạy như thế[20]. Mà muốn đấu tranh để tự giải phóng về mặt kinh tế thì giai cấp vô sản phải giành cho được một số quyền *chính trị* nhất định. Ngoài ra, cả Mác, cả Ăng-ghen đều thấy rõ ràng cách mạng chính trị ở Nga cũng sẽ có một ý nghĩa lớn lao đối với phong trào công nhân ở Tây Âu. Nước Nga chuyên chế xưa nay vẫn là thành trì của tất cả thế lực phản động châu Âu. Dĩ nhiên là địa vị quốc tế đặc biệt có lợi cho Nga sau cuộc chiến tranh 1870, cuộc chiến tranh đã gieo rắc sự bất hòa giữa Đức và Pháp trong một thời gian lâu, chỉ làm tăng thêm tác dụng của nước Nga chuyên chế là một lực lượng phản động mà thôi. Chỉ có một nước Nga tự do, không cần phải áp bức người Ba-lan, người Phần-lan, người Đức, người Ác-mê-ni và những dân tộc nhỏ yếu khác, không cần phải luôn luôn làm cho nước Pháp và nước Đức chống lại nhau, mới có thể khiến cho châu Âu hiện đại thoát khỏi những gánh nặng chiến tranh, mới làm cho tất cả các phần tử phản động ở châu Âu yếu đi và lực lượng của giai cấp công nhân châu Âu tăng lên. Bởi vậy, Ăng-ghen hết sức mong mỏi rằng quyền tự do chính trị được thiết lập ở Nga để có lợi cho cả thắng lợi của phong trào công nhân phương Tây. Ăng-ghen mất đi, những người cách mạng Nga đã mất một người bạn tốt nhất.

Phri-đrích Ăng-ghen, người chiến sĩ và người thầy vĩ đại của giai cấp vô sản, đời đời sống mãi!

GIẢI THÍCH LUẬT PHẠT TIỀN CÔNG NHÂN CÁC CÔNG XƯỞNG VÀ NHÀ MÁY[21]

Viết xong vào mùa thu 1895

In thành sách riêng ở Pê-téc-bua 1895

Theo đúng bản in năm 1895, có đối chiếu với bản in năm 1897